

D – MẬT THƯ



I. MẬT THƯ LÀ GÌ?

Mật thư là văn bản được viết dưới dạng đặc biệt, theo những qui ước nhất định, phải đúng những nguyên tắc có sẵn hoặc suy luận để giải.

Một số từ chuyên môn:

- Văn bản gốc (bach văn): nội dung cần truyền đạt (bản tin).
- Khoá: dung để hướng dẫn cách giải. Ký hiệu: $\square \square$
- Mã khoá: chuyển bach văn sang dạng mật thư.
- Dịch mã: chuyển thư sang dạng bach văn (quá trình dịch mã).

Tùy theo quan điểm sắp xếp và cách sử dụng chúng ta có nhiều cách sắp xếp theo các hệ thống mật thư khác nhau.

II. CÁC BƯỚC SOẠN MỘT MẬT THƯ:

Khi cần soạn ra một mật thư ta cần làm theo các bước sau:

Bước 1: Viết nội dung bức thư (bach văn).

- Ta nghĩ ra một nội dung nào đó cần truyền đạt đến người khác. Viết ra đầy đủ (chú ý các dấu thanh và dấu mũ) ngắn gọn và đầy đủ ý, không dài dòng.

Bước 2: Chọn dạng mật thư.

- Chọn dạng mật thư nào đó sao cho phù hợp với trình độ của người nhận mật thư.

Bước 3: Mã hoá.

- Căn cứ theo yêu cầu của Mật thư, ta cần lược chuyển những từ ngữ của nội dung bản tin thành mật mã. Đối chiếu thật cẩn thận để tránh bị sai sót.

Bước 4: Cho chia khoá.

Chia khoá phải sáng sủa, rõ ràng, gợi ý cho người dịch dễ dàng tìm được hướng giải. đừng để người giải phải mất thì giờ giải cái chia khoá của ta đưa ra.

III. CÁC DẠNG MẬT THƯ THÔNG DỤNG:

1. Biến thể từ Morse:

a. Một hai:

Người ta ký hiệu như sau:

Số 1 = Tíc (•)

Số 2 = Te (—)

Ngắt chữ = số 0.

Từ các ký hiệu trên chúng ta có thể chuyển thành tính hiệu Morse một cách bình thường.

Ví dụ:

Mật thư: 1211 0 2122 0 111 – 2 0 112 0 1222 – 2 0 121 0 222 0 21 0 221 0 222 – 1211 0 12 0 1121 – 21 0 2210 112 0 222 0 122 0 11 0 1121 211 0 211 0 222 0 12 0 21 0 1121 – 1112 0 11 0 1 0 1 0 21 – 211 0 21 0 12 0 112 0 1121 – 2 0 11 0 1 0 1 0 21 0 – 2121 0 112 0 121 – 2 0 222 0 222 0 121 – 2222 0 112 0 122 0 2121 0 111 – 211 0 211 0 222 0 12 0 12 0 21 0 1121

○□ : Một ngắt hai dài .

Bản tin được dịch là: **LÝ TỰ TRỌNG LÀ NGƯỜI ĐOÀN VIÊN ĐẦU TIÊN CỦA TỔ CHỨC ĐOÀN.**

b. Chẵn, lẻ:

Số lẻ = Tíc (•)

Số chẵn = Te (—)

Như vậy, các số 1, 3, 5, 7, 9 được ký hiệu bằng Tíc, và những số 2, 4, 6, 8 được ký hiệu bằng Te.

* Ví dụ:

Mật thư: 214, 35, 68 – 297, 413, 682, 468, 25, 467, 9183, 5279, 14, 5367 – 89, 241, 536, 284, 768, 91, 3527, 491, 635, 824, 682, 79, 1468, 3572, 91, 3, 5, 47 – 691, 835, 72, 94, 136, 5789, 2, 13, 5, 7, 49, 2143, 576, 98, 123 – 4, 682, 468, 527, 4682, 914, 368, 2547, 913 – 657, 891, 246, 824, 35, 7682.

○□ : Chẵn lẻ

Bản tin được dịch là: **KIM ĐỒNG LÀ NGƯỜI ĐỘI VIÊN ĐẦU TIÊN CỦA TỔ CHỨC ĐỘI.**

2. Từ ghép:

Từ ghép trong tiếng Việt là một khối vững chắc về kết cấu, về ngữ âm và về nghĩa, thông thường gồm 2 từ tố gắn chặt vào nhau không thể bị chia cắt, tách rời hoặc không thể chen vào giữa những từ tố bằng những từ khác. Như vậy, từ tố này có thể gọi nghĩ đến từ tố kia. Chẳng hạn: **nguy...sẽ gọi cho ta từ nguy hiểm...**

* Ví dụ:

Mật thư: **Vỗ..., cảm..., ...trường, ...tôi, ...nướng, ...cháo, ...ngắn.**

○□ : Bí... = Mật

...Mật = Bí.

Bản tin được dịch là: **VỀ TRẠI LẬP TỨC NẤU CƠM NGAY.**

3. Tục ngữ - thành ngữ:

Tục ngữ, thành ngữ, ca dao hoặc những câu thơ nổi tiếng cũng là những khối vững chắc, cố định. Ta dễ dàng đoán ra một tiếng nào đó bị mất đi trong một câu tục ngữ, thành ngữ. với loại mật thư này, đòi hỏi người soạn mật thư phải có trình độ khá phong phú về kiến thức văn học.

* Ví dụ: Mật thư:

Có công mài sắt có...nên kim

Tôi...đi cây còn trong nhiều bề

Nghĩa mẹ như...trong nguồn chảy ra

Lời rằng... mệnh cũng là lời chung
 Trông mưa trông nắng trông... trông đêm
 Mất lòng trước được lòng...
 Có sức người sỏi đá cũng thành...
 Bao nhiêu tác đất tác... bấy nhiêu.

○□□ : Điền vào chỗ trống.

Bản tin được dịch là: **NGÀY NAY NƯỚC BẠC NGÀY SAU CƠM VÀNG.**

4. Tọa độ:

Mật thư tọa độ là mật thư rất phong phú và đòi hỏi phải có sự chính xác cao. Xuất phát từ kiến thức của binh chủng pháo binh. Tọa độ là hình thức xác định một điểm nào đó mà đường trục ngang và trục đứng đã được biết trước. Theo đó ta tạm sắp xếp 25 chữ cái La Tinh (**không tính chữ Z**) vào trong 25 ô chia đều các cạnh (mỗi cạnh 5 ô) trong một hình vuông lớn như trục vẽ dưới. Khi giải mã, ta chỉ cần đối chiếu trục ngang và trục đứng là ta đã được nội dung cần tìm.

Bảng tra

	1	2	3	4	5
A	A	B	C	D	E
B	F	G	H	I	J
C	K	L	M	N	O
D	P	Q	R	S	T
E	U	V	W	X	Y

* Ví dụ:

Mật thư: **A1-C4-B3/ A5-C3/ C4-B3-E1-E3/ D5-B3-A5-A5-D3/ D5-A1-E5/ A3-B3-A1-A1-C4.**

○□□ : A = 5; E = Y

Bản tin được dịch là: **ANH EM NHƯW THEER TAY CHAAN** (Anh em như thể tay chân).

5. Loại đọc ngược:

Mật thư: **ĐỔ ĐẤT ĐƯỜNG THEO ĐI.**

○□□ : Đọc ngược.

Bản tin được dịch là: **ĐI THEO ĐƯỜNG ĐẤT ĐỔ.**

6. Loại chữ thay chữ:

Bảng tra

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O
N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z
P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z	A	B

* Ví dụ:

Mật thư: **Z W C C V U – J C V S !**

○□□ : A = C

Đối chiếu với bảng tra ta dịch nội dung là: **XUẤT PHÁT**

7. Loại số thay chữ:

Bảng tra

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26

* Ví dụ:

Mật thư: **24-21-1-1-20-19 + 16-8-1-20-19.**

○□□ : A = 1

Đối chiếu với bảng tra ta dịch nội dung là: **XUẤT PHÁT.**

8. Loại mật mã Trung Hoa:

Nguyên tắc: dựa vào 7 nốt nhạc:

Do Re Mi Fa Sol La Si

Kỳ số: 1 2 3 4 5 6 7

Bảng tra

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6
N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z
7	1'	2'	3'	4'	5'	6'	7'	•	•	•	•	•
								1	2	3	4	5

* Ví dụ:

Mật thư:

• •

7 1 2 2' 3 – 6' 4' 7' 1' 2 7 7 4' – 6' 4' 1 2 3

• • • •

○□□ : ta hát nhạc Trung Hoa.

Đối chiếu với bảng tra ta dịch nội dung là: **Gặp Trường Trại.**

E – DẤU ĐƯỜNG

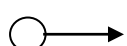


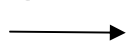
I. KHÁI NIỆM:

Dấu đường là những ký hiệu làm cho người tham gia giao thông biết và thực hiện, đi đúng hướng, an toàn trong khi tham gia giao thông.

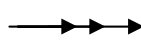
Đối với trò chơi dấu đường trong hoạt động trại, chỉ sử dụng nó cho vui, làm quen dần với các ký hiệu giao thông trên đường bộ, từ đó có thể áp dụng vào trong giao thông nhanh hơn khi học luật giao thông đường bộ.

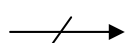
II. MỘT SỐ DẤU ĐƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG TRẠI:

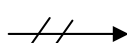
 : Bắt đầu đi.


 : Đi theo hướng này.

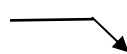
 : Đi nhanh lên.

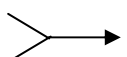
 : Chạy theo hướng này.

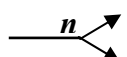
 : Đi chậm lại.

 : Chướng ngại vật phải vượt qua.


 : Rẽ trái.

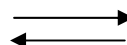
 : Rẽ phải.


 : Hai đoàn nhập 1.

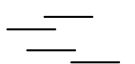
 : Chia 2 đoàn, một đoàn đi n người.


X : Đường cấm.

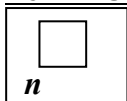
 : Chú ý, nguy hiểm.

 : Quay lại.

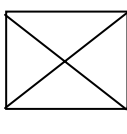
 : An toàn, bình an.

 : Nước không uống được.

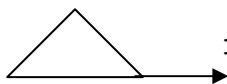
 : Nước sạch uống được.



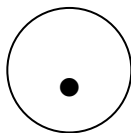
: Chờ ở đây n phút.



: Có mật thư hướng này cách n mét.



: Trại ở hướng này.



: Đích.

*** Chú ý:**

- Đánh dấu ở bên phải đường, ngang tầm mắt và dễ nhìn thấy
- Mỗi dấu đường không cách xa quá 50 mét.
- Dấu chỉ hướng mật thư chỉ đúng hướng, tương đối chính xác về khoảng cách.
- Ghi đúng ký hiệu khi hướng dẫn người chơi./.